

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2019/DS-PT

Ngày: 12 - 4 - 2019

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tiêu Hồng N1, sinh năm 1958 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành S – Công ty luật TNHH Luật Sống – Đoàn luật sư tỉnh C (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Tiêu Tấn T1 (Tiêu Văn T1), sinh năm 1971 (Đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tiêu Tấn T1:

- Bà Phan Hồng Nh, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

- Cháu Tiêu Quốc K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2000 (Vắng mặt).

- Cháu Tiêu Hiên H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Kiệt và cháu Huyền: Bà Phan Hồng Nh, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

2. Ông Tiêu TR1ệu P, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

3. Bà Võ Thị D1 (Đóm), sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 497, đường 2/9, khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C.

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị D1: Bà Tiêu Hồng D2, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 497, đường 2/9, khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tiêu Văn N2, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

2. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

3. Ông Tiêu Văn Nh, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

4. Ông Tiêu Văn H1, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện N, tỉnh C.

5. Bà Tiêu Hồng D2, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 497, đường 2/9, khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C.

6. Bà Tiêu Thị U1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Số 497, đường 2/9, khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

7. Bà Tiêu Thanh T3, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị t, huyện C, tỉnh C.

8. Bà Tiêu Thị N4, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tiêu Thị N4: Bà Tiêu Hồng N1, sinh năm 1958 (Có mặt).

9. Bà Tiêu Hồng N5, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

10. Bà Tiêu Hồng N6, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

11. Ông Tiêu Văn U2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

12. Bà Tiêu Thị X, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

13. Bà Tiêu Hồng H2, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03/45B, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố B, tỉnh B.

14. Bà Tiêu Thị D3, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

15. Bà Quách Thị Ch, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Bà Tiêu Hồng N1 – nguyên đơn và bà Võ Thị D1 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tiêu Hồng N1 trình bày: Ngày 27/4/2011, tại Phòng Công chứng số 1 Cà Mau - tỉnh C, bà được bà Nguyễn Thị L lập di chúc tặng cho quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) số BD 501006, diện tích 4.800m², tờ bản đồ số 05, thửa 149, do Ủy ban nhân dân

huyện P cấp ngày 04/3/2011; giấy CNQSDĐ số BD 501007, diện tích 9.500m², tờ bản đồ số 05, thửa 150, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04/3/2011 và giấy CNQSDĐ số BD 501008, diện tích 1268,5m², tờ bản đồ số 05, thửa 155, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 04/3/2011. Tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m². Đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C, do bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất nêu trên hiện nay bà D1 và các con bà D1 đang quản lý sử dụng.

Bà yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của bà L hợp pháp và được thừa kế diện tích đất nêu trên, đồng thời buộc bà D1 và những người đang quản lý di sản của bà L giao trả phần đất nêu trên cho bà. Bà đồng ý nhận các công trình kiến trúc và cây trồng có trên đất và trả giá trị cho gia đình bà D1 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện P. Đối với hai ao nuôi tôm công nghiệp bà không đồng ý trả tiền đầu tư vì hai ao này phát sinh sau khi bà L khởi kiện ông N2 và bà T2. Đối với nhà mồ do gia đình bà D1 xây dựng bà đồng ý hỗ trợ cho gia đình bà D1 10.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà D1 về bồi thường thành quả và công sức đóng góp với số tiền 150.000.000đ bà không đồng ý, vì vào năm 1993 ông R và bà D1 đã được bà L chia phần đất khác, phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà L.

Bị đơn bà Võ Thị D1 trình bày: Vào năm 1970 bà kết hôn với ông Tiêu Văn R (là con của bà Nguyễn Thị L). Sau khi kết hôn bà cùng với ông R và bà L quản lý, canh tác phần đất tranh chấp. Bà cùng với ông R và bà L đã đầu tư cải tạo phần đất tranh chấp từ đất hoang hóa thành đất lập vườn, cải tạo thành đầm nuôi thủy sản và xây dựng nhà ở trên phần đất. Đến năm 1993 thì Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp đất cho bà L. Đến năm 2002 bà L không còn chung sống với bà và ông R. Đến năm 2009 ông R chết, bà giao phần đất tranh chấp cho con bà là ông Tiêu Văn N2 quản lý canh tác. Năm 2011 bà L khởi kiện yêu cầu ông N2 trả đất, trong khi vụ án đang được giải quyết thì bà L chết. Tòa án nhân dân huyện P và Tòa án nhân dân tỉnh C đã giải quyết công nhận đất của bà L. Bà cho rằng di chúc của bà L là không hợp pháp vì tại thời điểm lập di chúc bà L đang bệnh ung thư đã xạ trị tại bệnh viện ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh, sức khỏe rất yếu, tinh thần không còn minh mẫn, bà yêu cầu xem xét lại tính hợp pháp của di chúc và yêu cầu hủy di chúc của bà L để chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu di chúc hợp pháp thì bà yêu cầu bà N1 trả lại thành quả lao động và công sức đóng góp của gia đình bà với số tiền 150.000.000đ và bồi thường các công trình kiến trúc và cây trồng có trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Thị N4 trình bày: Bà thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu của bà Tiêu Hồng N1, bà yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của bà L lập ngày 27/4/2011, vì cho rằng di chúc nêu trên là hợp pháp. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì bà cũng không yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật trong vụ án này, có tranh chấp bà sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Hồng N6 trình bày: Bà yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của bà L lập ngày 27/4/2011, vì cho rằng di chúc nêu trên là hợp pháp. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì bà cũng không yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật trong vụ án này, có tranh chấp bà sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiêu Văn N2 trình bày: Di chúc của bà L lập ngày 27/4/2011 là không hợp pháp. Nay ông không có tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tiêu Văn Nh trình bày: Ông không có tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tiêu Hồng D2 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà D1, bà yêu cầu Tòa án hủy di chúc của bà L lập ngày 27/4/2011, vì cho rằng di chúc không hợp pháp. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu xem xét thành quả lao động và công sức đóng góp của ông R và bà D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Ch trình bày: Bà đang sinh sống trên phần đất tranh chấp với ông Tiêu TR1ệu P và bà Võ Thị D1, bà không có ý kiến về việc tranh chấp giữa bà N1 và bà D1, mọi việc do bà D1 quyết định.

Đối với ông Tiêu TR1ệu P, ông Tiêu Văn H1, ông Tiêu Văn U2, bà Phan Thị T2, bà Tiêu Thị U1, bà Tiêu Hồng N5, bà Tiêu Thị X, bà Tiêu Hồng H2, bà Tiêu Thị D3, bà Tiêu Thanh T3 đã được Tòa án cấp sơ thẩm tR1ệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với vụ án.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 638, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 657, 667 và 670 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2003;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tiêu Hồng N1. Công nhận di chúc của bà Nguyễn Thị L lập ngày 27/4/2011, tại Phòng Công chứng số 1 Cà Mau - tỉnh C là di chúc hợp pháp.

Buộc bà Võ Thị D1, ông Tiêu TR1ệu P và bà Quách Thị Ch phải giao trả phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m², đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C. Đất có hai phần cụ thể như sau:

- Phần đất thứ nhất có diện tích 1.858,6m² tại thửa số 61, tờ bản đồ số 01, có vị trí như sau:

+ Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị Nhĩ dài 41,57m.

+ Tây giáp phần đất bà Lê Thị Huệ dài 54,18m.

- + Nam giáp phần lộ xe Cái Đôi Vàm – Việt Thắng dài 40,04m.
- + Bắc giáp sông Cái Chim dài 38,73m.
- Phần đất thứ hai có diện tích 14.048,7m² tại các thửa số 84, 131, tờ bản đồ số 01, có vị trí như sau:
 - + Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị Nhĩ dài 140,25m + 199,13m.
 - + Tây giáp phần đất bà Lê Thị Huệ dài 178,45m + 145,09m.
 - + Nam giáp phần đất bà Tiêu Thị N4 dài 41,44m.
 - + Bắc giáp lộ xe Cái Đôi Vàm – Việt Thắng dài 33,76m.(có bản đồ hiện trạng vị trí trích đo kèm theo)

Bà Tiêu Hồng N1 được quản lý sử dụng các công trình kiến trúc và các cây trồng gồm: 02 ao nuôi tôm công nghiệp; nhà sau diện tích 96m²; mái che tạm diện tích 45m², mái chắn (vách nhà) diện tích 27m²; nhà vệ sinh diện tích 4,6m²; hồ nước, cống xổ vuông; chòi vuông diện tích 14,8m²; 05 cây đu đủ đang cho trái; 04 bụi thanh long đang cho trái; 05 cây xoài sắp cho trái 03 cây dứa đang cho trái; 07 cây dứa sắp cho trái; 03 cây lý; 01 cây lê ki ma; 50m² dứa nước; 06 cây bạch đàn, đường kính 15cm; 30 cây đước đường kính 12cm; 80 bụi chuối; 15 cây tre; 01 cây lựu đang cho trái.

Buộc bà Võ Thị D1, ông Tiêu TR1ệu P và bà Quách Thị Ch tháo dỡ di dời mái che tạm của nhà sau diện tích 50,4m²; di dời toàn bộ cây kiếng và hoa màu còn lại trên đất để giao trả phần đất cho bà Tiêu Hồng N1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị D1.

Buộc bà Tiêu Hồng N1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D1 và những người thừa kế của ông Tiêu Văn R gồm: ông Tiêu Văn N2, ông Tiêu Văn Nh, ông Tiêu Văn H1, ông Tiêu Tấn T1 (do bà Phan Hồng Nh kế thừa quyền và nghĩa vụ), bà Tiêu Thanh T3, bà Tiêu Hồng D2, ông Tiêu TR1ệu P, bà Tiêu Thị U1 giá trị 02 ao nuôi tôm công nghiệp; nhà sau, mái che tạm, mái chắn (vách nhà), nhà vệ sinh, hồ nước, cống xổ vuông, 05 cây đu đủ, 04 bụi thanh long, 05 cây xoài, 03 cây dứa đang cho trái; 07 cây dứa sắp cho trái; 03 cây lý; 01 cây lê ki ma, 50m² dứa nước, 06 cây bạch đàn, 30 cây đước, 80 bụi chuối, 15 cây tre, 01 cây lựu với số tiền 110.696.852đ (một trăm mười tR1ệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

Buộc bà Tiêu Hồng N1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị D1 và những người thừa kế của ông Tiêu Văn R gồm: ông Tiêu Văn N2, ông Tiêu Văn Nh, ông Tiêu Văn H1, ông Tiêu Tấn T1 (do bà Phan Hồng Nh kế thừa quyền và nghĩa vụ), bà Tiêu Thanh T3, bà Tiêu Hồng D2, ông Tiêu TR1ệu P, bà Tiêu Thị U1 công sức đóng góp đầu tư cải tạo phần đất với số tiền 75.515.000đ (bảy mươi lăm tR1ệu năm trăm mười lăm ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tiêu Hồng N1 về việc hỗ trợ cho bà Võ Thị D1 10.000.000đ (mười tR1ệu đồng) tiền xây dựng nhà mô.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/10/2018, bà Tiêu Hồng N1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị D1 về giá trị bồi hoàn cải tạo 02 ao nuôi tôm công nghiệp và không chấp nhận chi trả bất kỳ khoản tiền nào về công sức đóng góp và thành quả lao động của bà D1.

Ngày 26/10/2018, bà Võ Thị D1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và hủy di chúc lập ngày 27/4/2011 của bà Nguyễn Thị L về việc giao phần đất cho bà Tiêu Hồng N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tiêu Hồng N1, bà Tiêu Hồng D2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tại tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bị đơn cho là cụ L không minh mẫn khi lập di chúc nhưng cụ L đã có khám sức khỏe trước khi lập di chúc. Cụ L lập di chúc có công chứng, do đó di chúc có hiệu lực pháp luật như Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

Bị đơn cho là cụ L lập di chúc tại thời điểm đất tranh chấp nhưng không đưa ra được chứng cứ thể hiện có tranh chấp. Cụ L lập di chúc trước khi cụ L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, vụ án lần đầu tiên được thụ lý tại Tòa án huyện P vào ngày 05/5/2011. Mặt khác, không có quy định pháp luật nào quy định đất tranh chấp thì không được lập di chúc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Tiêu Hồng N1 và bị đơn bà Võ Thị D1 (Đóm), Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng cụ Tiêu Văn S (chết năm 1959) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2011) có 05 người con là Tiêu Văn R1 (chết năm 1966); Tiêu Văn R (chết năm 2009); Tiêu Văn M (chết năm 2002); Tiêu Thị N4 và Tiêu Hồng N1.

Vào khoảng năm 1945 vợ chồng cụ Tiêu Văn S và cụ Nguyễn Thị L có khai phá, tạo lập được một số phần đất tại huyện Cái Nước, tỉnh C (nay là huyện P, tỉnh C). Sau khi cụ S qua đời vào năm 1959, cụ L là người trực tiếp quản lý, sử dụng các phần đất trên. Năm 1993, cụ L có phân chia đất cho các con là ông Tiêu Văn R, ông Tiêu Văn M, bà Tiêu Thị N4 và bà Tiêu Hồng N1, cụ L còn chừa lại một phần đất. Đối với phần đất chừa lại, vào năm 1996, cụ L được UBND huyện Cái

Nước cấp giấy CNQSDĐ với diện tích là 16.400m². Đến năm 2011, cụ L được UBND huyện P cấp đổi giấy CNQSDĐ với diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m², đất tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C.

[2] Cụ L sinh sống cùng với gia đình ông R, bà D1 tại phần đất trên. Sau khi ông M qua đời vào năm 2002, cụ L sang sinh sống cùng với vợ và các con của ông M tại phần đất cụ đã cho ông M trước đó, cặp với phần đất của cụ L. Đến khoảng năm 2008 thì cụ L chuyển đến sinh sống cùng với bà N1 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Khi ông R qua đời vào năm 2009, vợ và các con của ông R (Tiêu Văn N2, Tiêu Văn H1, Tiêu Tấn T1, Tiêu Thanh T3, Tiêu Thị U1, Tiêu Hồng D2, Tiêu Triệu P) là những người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất của cụ L cho đến nay.

[3] Năm 2010, do biết việc bà D2 (con ông R) giữ các giấy CNQSDĐ của mình nên cụ L đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương buộc bà D2 trả lại các giấy CNQSDĐ. Vợ và các con của ông R cho rằng cụ L đã hứa cho ông R phần đất trên và trong phần đất cụ L được cấp giấy CNQSDĐ có một phần là đất của ông R nhận chuyển nhượng từ bà N1 nên không đồng ý trả lại các giấy CNQSDĐ cho cụ L. Sự việc được UBND xã Việt Thắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên cụ L làm tờ có mất các giấy CNQSDĐ. Đến ngày 04/3/2011 cụ L được UBND huyện P cấp lại giấy CNQSDĐ, thời điểm này vợ, con ông R vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất của cụ L.

Tại “Biên bản hòa giải” về việc tranh chấp đất, nhà ở nội bộ gia đình do UBND xã Việt Thắng, huyện P hòa giải vào ngày 07/4/2011 (bút lục 533; theo hồ sơ thụ lý số: 71/2011/TLST-DS ngày 05/5/2011 về việc tranh chấp QSDĐ giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L và bị đơn là ông Tiêu Văn N2 là bút lục số 35). Tại biên bản này, cụ L có ý kiến như sau: “... Lý do con cháu của bà không nuôi nấng, chăm sóc bà nên bà bỏ đi vất vả, hiện tại phần đất của bà, bà đòi lại để bà cất nhà tự sống và nhờ con khác chăm sóc...”. Sau đó, tranh chấp về phần đất của cụ L vẫn tiếp tục diễn ra.

Ngày 27/4/2011, tại phòng Công chứng số 1 tỉnh C, cụ L lập di chúc để lại toàn bộ tài sản (các phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m², tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C) cho bà N1.

Ngày 28/4/2011, cụ L làm đơn khởi kiện ông N2 (con ông R) để yêu cầu ông N2 trả lại phần đất tranh chấp nêu trên cho cụ, yêu cầu khởi kiện của cụ L được Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vào ngày 05/5/2011.

Như vậy, tại thời điểm cụ L lập di chúc để lại tài sản cho bà N1 thì phần đất đang có tranh chấp với gia đình ông R, hơn nữa cụ L cũng không phải là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Do đó, cụ L chưa có đủ điều kiện để thực hiện quyền của người sử dụng đất, cụ thể là quyền lập di chúc để lại quyền sử dụng đất cho bà N1 theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 106 Luật Đất đai năm

2003. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ L hợp pháp là chưa phù hợp với các quy định của pháp luật.

Do đó, cần sửa án sơ thẩm, tuyên di chúc của cụ L lập ngày 27/4/2011 tại Phòng Công chứng số 1 là không hợp pháp; bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu được hưởng di sản của cụ L theo di chúc. Do bác yêu cầu nên kháng cáo của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau này, nếu các đương sự không thỏa thuận được về phân chia di sản của cụ L, được quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản theo pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố đối với việc yêu cầu bà N1 hoàn trả giá trị các công trình, vật thể có trên đất tranh chấp và tiền công sức đóng góp, đầu tư cải tạo phần đất tranh chấp. Xét việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, phải hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân về phần phản tố của bà D1 (do bà D1 rút yêu cầu), đình chỉ đối với yêu cầu phản tố này của bị đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu phản tố xin rút lại theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, bà D1 là người cao tuổi, tại cấp phúc thẩm bà có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà.

[5] Nguyên đơn bà Tiêu Hồng N1 là thân nhân liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Tiêu Hồng N1.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị D1 (Đóm).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử: Tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị L lập ngày 27/4/2011, tại Phòng Công chứng số 1 Cà Mau - tỉnh C là không hợp pháp.

1. Bác yêu cầu của bà Tiêu Hồng N1 về việc yêu cầu được nhận di sản của cụ Nguyễn Thị L theo di chúc lập ngày 27/4/2011, tại Phòng Công chứng số 1 Cà Mau - tỉnh C đối với các phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m², tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C.

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 về phần phần tố của bà D1, đình chỉ đối với yêu cầu phần tố của bà Võ Thị D1 (Đóm) về việc yêu cầu bà Tiêu Hồng N1 hoàn trả giá trị các công trình, vật thể có trên đất và công sức đóng góp, đầu tư, cải tạo phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 15.907,3m², tọa lạc tại ấp Dân Quân, xã Việt Thắng, huyện P, tỉnh C.

3. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Thị L theo pháp luật, nếu không tự thỏa thuận được với nhau.

4. Về án phí:

Bà Tiêu Hồng N1 được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Ngày 18/6/2015 bà N1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.976.000đ (ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 08763 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, được nhận lại.

Bà Võ Thị D1 được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Ngày 27/5/2016, bà D1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.875.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 09285; ngày 26/10/2018, bà D1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007339 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Cao Khánh